

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3918/STNMT-CCBVMТ ngày 10/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;


Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 3250/BQLGT-ĐHĐA1 ngày 29/11/2023 của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1454/TTr-STNMT ngày 30/11/2023.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / 

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND Phường Trần Quang Diệu;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
TUYẾN ĐƯỜNG N5 VÀ D5 KẾT NỐI VỚI RANH GIỚI KHU ĐẤT
DỰ ÁN XÂY DỰNG THIẾT CHẾ CÔNG ĐOÀN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Tuyến đường N5 và D5 kết nối với ranh giới Khu đất dự án xây dựng thiết chế Công đoàn.

- Địa điểm thực hiện: Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Giao thông tỉnh.

- Địa chỉ liên hệ: 705 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô

Tổng chiều dài tuyến đường khoảng 730,6 m; tổng diện tích sử dụng đất khoảng 14.769 m². Trong đó:

- Tuyến N5: Chiều dài tuyến thiết kế L = 295,6 m; Kết cấu mặt đường: bê tông nhựa.

+ Điểm đầu tại nút giao N40 (lý trình Km0+144,15) thuộc tuyến đường N11 hiện trạng; điểm cuối giao với tuyến D5 quy hoạch.

+ Bề rộng nền = 2x7,5m (mặt đường) + 12,0m (dải phân cách) + 2x5,0m (vĩa hè) = 37,0m.

- Tuyến D5: Chiều dài tuyến thiết kế 435 m; Kết cấu: Mặt đường bê tông nhựa.

+ Điểm đầu tại nút giao N07 (lý trình Km0+295,6) thuộc tuyến đường N5; điểm cuối tiếp giáp nút giao N7 (lý trình Km0+755,72) thuộc tuyến đường Đông Tây.

+ Bề rộng nền = 8,0m (mặt đường) + 2x5,0m (vĩa hè) = 18,0m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- Đường N5 được đầu tư xây dựng với tổng chiều dài 295,6 m, bề rộng nền đường B = 37m, kết cấu bê tông nhựa.

- Đường D5 được đầu tư xây dựng với tổng chiều dài 435 m, bề rộng nền đường B = 18m, kết cấu bê tông nhựa.

- Hệ thống thoát nước mưa: cống BTCT D600, BTCT D1000, cống hộp

3x(2,5x3,0)m kết cấu BTCT, tải trọng công via hè H10, cổng qua đường H30.

- Hệ thống điện chiếu sáng, trồng cây xanh, hệ thống an toàn giao thông trên tuyến.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án: Bãi chứa nguyên vật liệu với diện tích khoảng 200 m².

1.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động, bố trí 03 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, 03 thùng chứa chất thải nguy hại có dán nhãn cảnh báo.

1.3.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng.
- Hoạt động bóc đất phong hóa và phá dỡ các công trình hiện trạng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án.
- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 9.250,64 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Dự án chiếm dụng vĩnh viễn khoảng 14.769 m² đất. Trong đó, diện tích đất trồng lúa khoảng 9.250,64 m², ảnh hưởng đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước khu vực phía Tây dự án.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường xung quanh dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 0,9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu san lấp, thi công; vận hành máy móc, phương tiện thi công trên công trường,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 100 kg. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn từ hoạt động bóc phong hóa phát sinh khoảng 8.500 m³ và xà bần từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu khoảng 617,25 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu,... của máy móc, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển có khối lượng khoảng 50kg trong quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là giẻ lau nhiễm dầu thải, các loại dầu mỡ thải, pin, ắc quy,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động nổ mìn phá đá; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác:

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa sang mục đích khác tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công tránh gây ngập úng cục bộ.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, vệ sinh trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu và chất thải rắn công nghiệp thông thường: sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

- Định kỳ bảo dưỡng mặt đường.

- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.

- Trồng, chăm sóc các dải cây xanh trên tuyến đường dự án.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bóc phong hóa, một phần được tận dụng để trồng cây xanh tuyến đường với khối lượng khoảng 1.762 m³; phần còn lại với khối lượng khoảng 6.738 m³ và xà bần phá dỡ công trình hiện hữu với khối lượng khoảng 617,25 m³, được vận chuyển đổ thải tại núi Hòn Ách, thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn với diện tích khoảng 3.000 m², chiều cao đổ thải khoảng 2,5 m.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 58 và Điều 66 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 03 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy, dán nhãn theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 05m² tại công trường theo đúng quy định. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Điều 68, Điều 69, Điều 71 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.
- Sử dụng các thiết bị thi công đăng kiểm đảm bảo.
- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kì thường xuyên.
- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 6h00 sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành

- Bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường, trồng các dải cây xanh.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất trồng lúa

Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức triển khai thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện

hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí.

+ Khu dân cư phía Tây dự án, tọa độ $X = 1.524.926$, $Y = 597.623$ (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).

+ Khu dân cư phía Nam dự án, tọa độ $X = 1.524.481$, $Y = 597.614$ (theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trực $108^015'$).

- Thông số quan trắc: bụi, tiếng ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.